TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2021/HN-ST
Ngày: 09 - 11 - 2021
V/v tranh chấp *"Xin ly hôn, Nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đương
2. Ông Đặng Văn Núi

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phùng Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Thanh Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2021 về tranh chấp *"Xin ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Cẩm N** - Sinh năm: 1989 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang;

2. Bị đơn: **Trần Văn L** - Sinh năm: 1979 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm N trình bày:*

Tôi và anh L tiến đến hôn nhân do mai mối, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn ngày 27/9/2007 tại UBND xã Đ. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2008 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh L ghen tuông vô cớ và đánh chị nhiều lần nên đã sống ly thân. Nay tình cảm không còn, chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Thị Quế T, sinh ngày 12/6/2006. Hiện cháu T đang sống với chị. Ly hôn, chị đồng ý để anh L tiếp tục nuôi con, chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: chị xác định không có.

* *Quá trình tố tụng bị đơn anh Trần Văn L vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên anh có trình bày tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 25 tháng 03 năm 2021:*

Anh và chị N tiến đến hôn nhân do mai mối, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn ngày 24/9/2007 tại UBND xã Đ. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc, ngày 12/01/2008 khi anh đang đi biển thì chị N tự ý bỏ nhà đi, anh có khuyên chị N quay về sống với anh nhưng chị N không đồng ý. Anh và chị N đã sống ly thân hơn 10 năm. Anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Thị Quế T, sinh ngày 12/6/2006. Hiện cháu T đang sống với anh, anh đồng ý nuôi cháu T và yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: anh xác định không có.

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- *Về tố tụng:* Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Trần Văn L.

+ Về con chung: Giao con chung Trần Thị Quế T, sinh ngày 12/6/2006; cho anh L nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Nguyễn Thị Cẩm N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, lao động được.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, chị N và anh L có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: đây là vụ án tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị N về việc xin ly hôn, nuôi con chung; Hội đồng xét xử nhận thấy:

- *Về quan hệ hôn nhân*: chị N và anh L có quan hệ hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/9/2007 nên quan hệ hôn nhân của N và anh L là hợp pháp kể từ ngày đăng ký kết hôn.

Chị N trình bày cuộc sống vợ chồng bình thường đến đầu năm 2008 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh L ghen tuông vô cớ và đánh đập chị nên chị và anh L sống ly thân cho đến nay. Anh L không đến dự phiên tòa, nhưng bản ghi lời khai ngày 25/03/2021 của anh trình bày, vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến ngày 12/01/2008 khi anh đang đi biển thì chị N tự ý bỏ nhà đi nên anh và chị N sống ly thân đến nay đã hơn 10 năm, nay anh đồng ý ly hôn.

Qua xem xét nguyên nhân mâu thuẫn theo lời trình bày của anh chị, Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng anh chị có mâu thuẫn nên đã sống ly thân cho đến nay. Thời gian ly thân đến nay đã lâu nhưng anh chị không hàn gắn được tình cảm với nhau. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn của anh chị là tự nguyện, phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận.

[4] Về con chung: chị N trình bày có 01 con chung tên Trần Thị Quế T, sinh ngày 12/6/2006. Hiện cháu T đang do anh L trực tiếp nuôi. Ly hôn, chị N và anh L thống nhất giao cháu T cho anh L tiếp tục trực tiếp nuôi. Xét thấy sự thỏa thuận của anh chị về việc nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật; phù hợp với nguyện vọng của cháu T là muốn sống với cha khi cha mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận thỏa thuận của chị N và anh L, giao cháu T cho anh L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh L yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con con mỗi tháng 1.000.000 đồng, chị N đồng ý. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh chị là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Mặc dù chị N không trực tiếp nuôi con, nhưng vẫn được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh L và các thành viên trong gia đình không được ngăn cản.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: chị N và anh L xác định anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Trần Văn L.

2. Về nuôi con chung:

- Anh Trần Văn L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Thị Quế T, sinh ngày 12/6/2006.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Cẩm N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Chị N được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh L và các thành viên trong gia đình anh L không được ngăn cản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Chị N phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 49703 ngày 10/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông. Chị N đã nộp đủ án phí.

Anh L không phải nộp án phí.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị Cẩm N, anh Trần Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện TPĐ;
- Chi cục THADS huyện TPĐ;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm